

HẠN CHẾ THẨM QUYỀN TRỌNG TÀI TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ NHÌN TỪ VỤ ASIAPHOS VÀ NORWEST KIỆN TRUNG QUỐC

NGÔ TRỌNG QUÂN *

TRINH HẢI YẾN **

Tóm tắt: Một số hiệp định đầu tư quốc tế hạn chế việc sử dụng trọng tài quốc tế cho loại tranh chấp cụ thể giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư. Một số quốc gia, điển hình là Trung Quốc, chỉ chấp nhận thẩm quyền trọng tài đối với tranh chấp liên quan tới khoản bồi thường khi có hành vi tước đoạt tài sản. Bài viết phân tích phán quyết trọng tài mới nhất áp dụng điều khoản này trong vụ AsiaPhos và Norwest kiện Trung Quốc năm 2023 và so sánh với các quyết định xét xử khác giải thích điều khoản tương tự. Nghiên cứu cho thấy đường lối giải quyết tranh chấp của các hội đồng trọng tài đi theo hai hướng khác biệt khi xác định thẩm quyền theo quy định này và những thách thức đối với nhà đầu tư và quốc gia tiếp nhận đầu tư, trong đó có Việt Nam, khi tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Từ khoá: Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; thẩm quyền; trọng tài quốc tế; các hiệp định đầu tư quốc tế của Trung Quốc; các điều ước đầu tư thế hệ mới

Nhận bài: 07/11/2025

Hoàn thành biên tập: 30/5/2026

Duyệt đăng: 30/5/2026

LIMITATIONS ON THE SCOPE OF ARBITRAL JURISDICTION IN INVESTMENT TREATIES:
INSIGHTS FROM ASIAPHOS AND NORWEST V. CHINA

Abstract: A number of international investment agreements restrict the use of international arbitration for specific types of disputes between foreign investors and host states. Some countries, notably China, only accept arbitral jurisdiction for disputes related to quantum for expropriation. The article analyses the latest arbitral award interpreting and applying such provision in the AsiaPhos and Norwest v. China case in 2023 and compares it with other arbitral decisions on similar provisions. The study reveals that arbitral tribunals adopt two distinct approaches to their jurisdiction in this regard and highlights the challenges for investors and host states, including Vietnam, when participating in international investment dispute resolution.

Keywords: Settlement of international investment disputes; jurisdiction; international arbitration; China's international investment agreements; modern investment treaties

Received: 7 November 2025; Editing completed: 30 May 2026; Accepted for publication: 30 May 2026

1. Đặt vấn đề

Các hiệp định đầu tư quốc tế (International Investment Agreements - IIA) thường quy

định trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư, tuy nhiên phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền trọng tài có thể được giới hạn¹. Công thức quy định

* Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: ngotrongquan@hlu.edu.vn

** Tiến sĩ, Học viện Ngoại giao
E-mail: trinhhaiyen@dav.edu.vn

¹ Thuật ngữ các hiệp định đầu tư quốc tế (IIA) được

thường rộng, bao gồm bất kì tranh chấp nào liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ, bao gồm cả tranh chấp theo hợp đồng nhưng cũng có thể giới hạn ở vi phạm nghĩa vụ đối xử trong hiệp định hoặc thậm chí chỉ liên quan đến khoản bồi thường cho hành vi tước đoạt tài sản². Diễn hình của hạn chế loại tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài quốc tế có thể tìm thấy ở các hiệp định đầu tư quốc tế của Trung Quốc sẽ được tập trung phân tích trong bài viết này.

Vụ AsiaPhos và Norwest kiện Trung Quốc với phán quyết trọng tài được tuyên năm 2023 (sau đây gọi tắt là AsiaPhos and Norwest v. China) là tranh chấp mới nhất liên quan đến quy định giới hạn thẩm quyền xét xử trọng tài ở khoản bồi thường cho hành vi tước đoạt tài sản thường thấy trong các hiệp định của Trung Quốc³. Đây là tranh chấp đầu tiên mà Trung Quốc là bị đơn trong đó hội đồng trọng tài (HĐTT) giải thích quy định thẩm quyền hẹp nêu trên⁴. Phán quyết này cũng

đánh dấu lần đầu tiên Chính phủ Trung Quốc với tư cách một bên trong hiệp định đầu tư, phải đưa ra lập luận về điều khoản về trọng tài hẹp mà quốc gia này kí kết trong rất nhiều IIA ở giai đoạn đầu mở cửa kinh tế⁵. Tiếp nối chuỗi các tranh chấp tương tự, phán quyết này cho thấy các cách tiếp cận khác nhau trong giải thích thỏa thuận trọng tài hạn chế, đặc biệt khi xem xét cùng với các điều khoản khác của điều ước như điều khoản yêu cầu lựa chọn một cơ quan giải quyết tranh chấp duy nhất (“fork-in-the-road” - FIR) và điều khoản đối xử tối huệ quốc (most-favored-nation treatment - MFN). Trong bối cảnh các tranh chấp đầu tư liên quan đến Trung Quốc có xu hướng gia tăng, việc nghiên cứu phán quyết trong vụ AsiaPhos and Norwest v. China có ý nghĩa soi chiếu thực tiễn giải thích và áp dụng vốn chưa nhất quán về điều khoản này⁶.

Bài viết phân tích thực tiễn giới hạn thẩm quyền trọng tài trong các IIA của Trung Quốc, so sánh, đối chiếu phán quyết trong vụ AsiaPhos and Norwest v. China với

sử dụng trong bài viết này bao gồm các hiệp định bảo hộ đầu tư song phương (Bilateral Investment Treaty - BIT) và các điều ước quốc tế khác có cam kết bảo hộ đầu tư (Treaties with Investment Provisions - TIP) như các hiệp định bảo hộ đầu tư đa phương, các hiệp định thương mại tự do có chương đầu tư.

² Yannick Radi (2020), *Rules and Practices of International Investment Law and Arbitration*, Cambridge University Press, tr. 382 - 386.

³ AsiaPhos Limited and Norwest Chemicals Pte Ltd v. People's Republic of China, ICSID Case No. ADM/21/1. Bài viết này sử dụng nguyên gốc tên rút gọn của tranh chấp bằng tiếng Anh trên cơ sở dữ liệu tranh chấp đầu tư quốc tế của UNCTAD, <https://investmentpolicy.unctad.org/investment-dispute-settlement>, truy cập 31/10/2025.

⁴ Tất cả các tranh chấp trước đó giải thích các điều khoản giới hạn tương tự của Trung Quốc đều được khởi xướng bởi nhà đầu tư Trung Quốc khiếu kiện chính phủ nước ngoài. Năm vụ trọng tài liên quan

đến nhà đầu tư Trung Quốc ở nước ngoài bao gồm: Senor Tza Yap Shum v. The Republic of Peru, ICSID Case No. ARB/07/6 (2009); Beijing Shougang and others v. Mongolia, PCA Case No. 2010-20 (2017); Sanum Investments Limited v. Lao People's Democratic Republic, UNCITRAL, PCA Case No. 2013-13 (2013); Beijing Urban Construction Group Co. Ltd. v. Republic of Yemen, ICSID Case No. ARB/14/30 (2017); Beijing Everyway Traffic and Lighting Company Limited v. Ghana, PCA 2021-15 (2023).

⁵ Juan Du, Zhenxing Zhang (2024), “AsiaPhos Limited and Norwest Chemicals Pte Ltd v. People's Republic of China: Unpredictable Jurisdiction under the Restrictive ISDS Mechanism”, *ICSID Review*, Vol. 39(1), tr. 30.

⁶ Juan Du (2022), “Restrictive ISDS Clauses under Chinese BITs: Interpretation and Implications for China”, *Asia Pacific Law Review*, Vol. 30(2), tr. 383.

thực tiễn giải quyết tranh chấp khác có liên quan. Từ đó, bài viết rút ra một số đánh giá về xu hướng xét xử và liên hệ với thực tiễn kí kết các IIA cũng như giải quyết tranh chấp của Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống, bao gồm phân tích quy định của điều ước quốc tế, bình luận và so sánh phán quyết của toà án và trọng tài được sử dụng trong bài viết nhằm làm rõ các xu hướng giải thích và áp dụng pháp luật.

2. Quy định hạn chế thẩm quyền trọng tài trong hiệp định đầu tư của Trung Quốc

2.1. Thực tiễn kí kết hiệp định đầu tư của Trung Quốc

Trung Quốc bắt đầu thực hiện chiến lược mở cửa (Open Door Policy) từ năm 1978 với mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua việc ban hành văn bản pháp luật trong nước cũng như tích cực kí kết các IIA⁷. Hiệp định bảo hộ đầu tư đầu tiên của Trung Quốc được kí với Thụy Điển vào năm 1982 và sau đó là với các nước đối tác thực hiện đầu tư chính, chủ yếu đến từ châu Âu như Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Vương quốc Anh. Các học giả Trung Quốc thường phân chia mạng lưới IIA của nước này thành ba thể hệ là thận trọng, tự do và cân bằng⁸, với các hiệp định đầu tư mẫu theo từng giai đoạn.

Dựa trên các hiệp định mẫu năm 1984 và 1989⁹, các BIT thuộc thể hệ thứ nhất từ năm

1982 đến năm 1989 giới hạn phạm vi tranh chấp giải quyết bằng trọng tài liên quan tới khoản bồi thường cho tước đoạt tài sản. Các BIT thế hệ thứ hai, được kí kết từ năm 1990 đến năm 1997, vẫn quy định phạm vi tranh chấp hẹp nhưng bổ sung cơ quan giải quyết là Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) xuất phát từ việc Trung Quốc tham gia Công ước ICSID và đã kí công ước này vào năm 1990. Các hiệp định mẫu thế hệ tiếp theo năm 1997 và 2009 đã mở rộng thẩm quyền trọng tài đối với các tranh chấp pháp lí liên quan đến khoản đầu tư nước ngoài hoặc bất kì khiếu nại nào về việc vi phạm nghĩa vụ đối xử trong hiệp định và khiến nhà đầu tư phải chịu thiệt hại¹⁰. Vì thế, các hiệp định ở thế hệ thứ ba từ năm 1998 đến nay quy định rộng về loại tranh chấp đầu tư được giải quyết bằng trọng tài quốc tế, đồng thời đưa ra một số cải cách về thủ tục tổ tụng trọng tài¹¹.

Các hiệp định bảo hộ đầu tư của Trung Quốc trong hai giai đoạn đầu phản ánh rõ nét cách tiếp cận thận trọng với trọng tài đầu tư quốc tế¹². Thực tiễn kí kết hiệp định của

của Điều này, tranh chấp đó có thể được đưa ra một HĐTT vụ việc theo yêu cầu của một trong hai bên”.

¹⁰ Điều 9.1 BIT mẫu năm 1997, <https://edit.wti.org/document/show/7dd70213-0836-440c-bfbd-7cf2191f6760>; Điều 16.1 BIT mẫu năm 2009, <https://edit.wti.org/document/show/00d03838-f8de-43df-a839-dca3e4f11b61>, truy cập 28/10/2025.

¹¹ Norah Gallagher, Wenhua Shan, sđd, tr. 35 - 43; Romesh Weeramantry (2012), “Investor-State Dispute Settlement Provisions in China’s Investment Treaties”, *ICSID Review*, Vol. 27(1), tr. 193; Manjiao Chi, Xi Wang (2015), “The Evolution of ISA Clauses in Chinese IIAs and Its Practical Implications: The Admissibility of Disputes for Investor-State Arbitration”, *The Journal of World Investment & Trade*, Vol. 16.5-6, tr. 883 - 897.

¹² Cá biệt có một số BIT với Thụy Điển (1982), Thái

⁷ Norah Gallagher, Wenhua Shan (2009), *Chinese Investment Treaties: Policies and Practices*, Oxford University Press, đoạn 1.09-1.10.

⁸ Shen Wei (2021), *Decoding Chinese Bilateral Investment Treaties*, Oxford University Press, tr. 7 - 8.

⁹ Norah Gallagher, Wenhua Shan, sđd, tr. 313. Điều 9.3 của hai BIT mẫu này đều quy định giống nhau: “Nếu một tranh chấp liên quan đến khoản bồi thường cho tước đoạt tài sản không thể giải quyết trong vòng sáu tháng kể từ khi thương lượng theo Đoạn 1

Trung Quốc trong giai đoạn này cũng tương tự các nước xã hội chủ nghĩa khác như Liên bang Nga, Cộng hoà Séc và nhiều quốc gia Đông Âu¹³. Một số nghiên cứu lí giải việc Trung Quốc đưa ra cách tiếp cận hẹp về phạm vi tranh chấp giải quyết bằng trọng tài trong thể hệ BIT đầu tiên bắt nguồn từ hai lí do. *Một là*, việc chấp nhận thẩm quyền của trọng tài quốc tế ảnh hưởng đến chủ quyền quốc gia trong giải quyết các tranh chấp đầu tư trên lãnh thổ của Trung Quốc trong khi nước này chưa bị thuyết phục bởi quan điểm của các nước phương Tây về trọng tài quốc tế¹⁴. *Hai là*, trong giai đoạn lịch sử này, Trung Quốc chủ yếu là quốc gia nhập khẩu vốn, vì vậy Trung Quốc mong muốn hạn chế khả năng sử dụng trọng tài của nhà đầu tư nước ngoài, hơn là cung cấp cho nhà đầu tư Trung Quốc quyền khởi kiện trọng tài chống lại quốc gia khác¹⁵.

2.2. Cách thức hạn chế thẩm quyền trọng tài trong các hiệp định đầu tư của Trung Quốc

Mặc dù hầu hết các BIT của Trung Quốc ở thời kì đầu đều hạn chế phạm vi tranh chấp đầu tư, lời văn chính xác trong từng hiệp định không hoàn toàn giống nhau và có thể ảnh hưởng đến cách diễn giải của trọng tài¹⁶.

Thứ nhất, một số BIT cho phép trọng tài

giải quyết các tranh chấp “bao gồm khoản bồi thường cho tước đoạt tài sản”¹⁷. Một số BIT quy định thêm về các loại tranh chấp khác ngoài khoản bồi thường thì sẽ giải quyết bằng phương thức nào, chẳng hạn BIT Trung Quốc - Áo quy định cơ quan có thẩm quyền của nước thực hiện tước đoạt sẽ xem xét tính hợp pháp của hành vi đó¹⁸. Khi kết hợp với điều khoản về trọng tài giới hạn ở khoản bồi thường, cách thức quy định này hàm ý một sự phân biệt về hai loại tranh chấp: tranh chấp về tính hợp pháp của tước đoạt tài sản và tranh chấp về khoản bồi thường, với hai cơ chế giải quyết tranh chấp khác nhau. Theo August Reinisch, các điều khoản hẹp này có thể được giải thích để hạn chế thẩm quyền của trọng tài ở tranh chấp về khoản bồi thường và loại trừ tranh chấp về sự tồn tại của hành vi tước đoạt tài sản, cũng như về các nghĩa vụ khác trong BIT. Hệ quả của cách diễn giải này là nếu như toà án quốc gia tiếp nhận đầu tư xác định không tồn tại hành vi tước đoạt tài sản thì nhà đầu tư nước ngoài sẽ bị mất quyền khởi kiện trọng tài¹⁹.

Thứ hai, một số BIT giới hạn phương thức trọng tài cho các tranh chấp “bao gồm

Lan (1985) không có cơ chế trọng tài giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước, mà chỉ có trọng tài giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia kí kết.

¹³ Norah Gallagher, Wenhua Shan, sdd, đoạn 8.44.

¹⁴ Jane Willems (2011), “The Settlement of Investor State Disputes and China New Developments on ICSID Jurisdiction”, *South Carolina Journal of International Law and Business*, Vol. 8(1), tr. 3.

¹⁵ Ming Du (2023), “Explaining China's Approach to Investor-State Dispute Settlement Reform: A Contextual Perspective”, *European Law Journal*, Vol. 28.4-6, tr. 290; Manjiao Chi, Xi Wang, sdd, tr. 874.

¹⁶ Juan Du, sdd, tr. 387; Romesh Weeramantry, sdd, tr. 194 - 197.

¹⁷ Ví dụ, BIT Trung Quốc - Peru, BIT Trung Quốc - Mông Cổ, BIT Trung Quốc - Việt Nam, BIT Trung Quốc - Lào. Lời văn tiếng Anh có thể thay đổi theo từng hiệp định, ví dụ “involving”, “concerning”, “on”, “relating to”.

¹⁸ Điều 4.4. BIT Trung Quốc - Austria. BIT Trung Quốc - Hy Lạp quy định các loại tranh chấp khác ngoài bồi thường sẽ giải quyết bằng trọng tài tùy theo sự thoả thuận của các bên tranh chấp, tức là nhà đầu tư không có quyền đơn phương khởi kiện trọng tài khi chưa có sự chấp nhận trọng tài của nhà nước.

¹⁹ August Reinisch (2011), “How Narrow are Narrow Dispute Settlement Clauses in Investment Treaties”, *Journal of International Dispute Settlement*, Vol. 2(1), tr. 173.

khoản bồi thường” nhưng không đề cập tước đoạt tài sản (Điều 8.3 BIT Trung Quốc - Li-băng). Theo cách quy định này, thẩm quyền trọng tài có thể được cho là mở rộng ra các loại tranh chấp liên quan tới bồi thường phát sinh từ vi phạm các nghĩa vụ trong BIT. Tuy nhiên, việc giải thích công thức này đòi hỏi phải xem xét tới cả bối cảnh, trong tương quan với các quy định khác của BIT cũng như lịch sử đàm phán điều ước để xác định rõ thẩm quyền trọng tài. Một số BIT khác yêu cầu nhà đầu tư phải khiếu nại về khoản bồi thường trước cơ quan có thẩm quyền trong nước trước khi ra trọng tài (Điều 10 BIT Trung Quốc - Pakistan, BIT Trung Quốc - Ba Lan) hoặc giới hạn phạm vi tranh chấp khác nhau tùy theo nước tiếp nhận đầu tư (Điều 8 BIT Trung Quốc - Argentina).

Chính sách giới hạn thẩm quyền trọng tài của Trung Quốc là rõ ràng, tuy nhiên nội hàm của giới hạn đó phụ thuộc vào lời văn cụ thể của điều ước cũng như cách diễn giải của HĐTT. Trong thực tế, đây là chủ đề tranh luận giữa các bên tranh chấp, giữa các HĐTT khác nhau và thậm chí giữa các trọng tài viên khác nhau trong cùng một tranh chấp như trong *AsiaPhos and Norwest v. China* được phân tích dưới đây²⁰.

3. Thực tiễn giải thích và áp dụng quy định hạn chế thẩm quyền trọng tài trong vụ *AsiaPhos and Norwest v. China* và các vụ trọng tài khác

3.1. Phán quyết trọng tài trong vụ *AsiaPhos and Norwest v. China*

AsiaPhos Limited và Norwest Chemicals

²⁰ *AsiaPhos and Norwest v. China*, Award, đoạn 161-177 và Annex 1: Dissenting Opinion (Stanimir A. Alexandrov), <https://www.italaw.com/cases/10231>, truy cập 30/12/2025.

là hai nhà đầu tư của Singapore thực hiện các dự án khai thác và chế biến photpho tại Tứ Xuyên, Trung Quốc thông qua một công ti liên doanh và sau đó chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. Từ năm 2016, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành chính sách cấm khai thác mỏ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Jiudingsan và khu bảo tồn gấu trúc. Theo đó, chính quyền địa phương đã ban hành lệnh phong tỏa các mỏ khai thác photpho và thu hồi giấy phép khai thác trong giai đoạn 2016-2018, dẫn đến việc chấm dứt hoạt động khai thác của AsiaPhos. Chính quyền sau đó cũng từ chối yêu cầu gia hạn giấy phép khai thác mỏ của Norwest Chemicals và không cấp phép thêm cho bất kỳ nhà đầu tư nào khác²¹.

AsiaPhos Limited và Norwest Chemicals đã đàm phán với Chính phủ Trung Quốc nhưng không thành công và sau đó kiện Trung Quốc ra trọng tài vào ngày 07/8/2020 trên cơ sở Điều 13.3 của BIT Trung Quốc - Singapore năm 1985. Nhà đầu tư khiếu nại các biện pháp của Trung Quốc đã cấu thành hành vi tước đoạt gián tiếp khoản đầu tư của họ theo Điều 6 của BIT và vi phạm một số tiêu chuẩn khác như đối xử công bằng, thỏa đáng và bảo hộ an ninh đầy đủ²².

Chính phủ Trung Quốc phản đối thẩm quyền của trọng tài với lý do tranh chấp không thuộc phạm vi được giải quyết bằng trọng tài theo quy định tại Điều 13.3 BIT²³. Cụ thể, Điều 13.3 BIT cho phép giải quyết tại trọng tài các tranh chấp liên quan đến khoản bồi thường phát sinh từ việc tước đoạt

²¹ *AsiaPhos and Norwest v. China*, tldđ, đoạn 25 - 34.

²² *AsiaPhos and Norwest v. China*, tldđ, đoạn 35 - 36.

²³ *AsiaPhos and Norwest v. China*, tldđ, đoạn 42 - 45.

tài sản. Ngược lại, nhà đầu tư cho rằng thoả thuận này cho phép trọng tài có thẩm quyền xác định cả sự tồn tại của hành vi tước đoạt tài sản cũng như khoản bồi thường. Nhà đầu tư cũng viện dẫn Điều 4 về nghĩa vụ MFN để lập luận rằng thẩm quyền trọng tài có thể mở rộng đối với vi phạm các nghĩa vụ khác trong BIT²⁴. Câu hỏi đặt ra cho HĐTT là thông qua BIT, Trung Quốc có chấp nhận thẩm quyền của trọng tài đối với các tranh chấp rộng hơn “khoản bồi thường” cho tước đoạt tài sản hay không.

HĐTT đã xem xét thoả thuận trọng tài tại Điều 13.3 trong mối quan hệ với Điều 6.2 về hành vi tước đoạt tài sản và Điều 4 về MFN. Điều 13.3 của BIT Singapore - Trung Quốc quy định rằng:

“Nếu một tranh chấp liên quan đến khoản bồi thường phát sinh từ tước đoạt tài sản, quốc hữu hoá hoặc các biện pháp khác có tác động tương đương với quốc hữu hoá hoặc tước đoạt tài sản được đề cập trong Điều 6 mà không thể giải quyết bằng thương lượng trong vòng 6 tháng như quy định tại khoản 1 Điều này thì tranh chấp đó có thể được đưa ra một HĐTT quốc tế được thành lập bởi hai bên.

Các quy định của đoạn này sẽ không áp dụng nếu công dân hoặc công ti có liên quan đã dùng đến thủ tục được đề cập tại đoạn 2 của Điều này”.

Điều 13.3 gồm hai câu: câu thứ nhất đưa ra chấp nhận thẩm quyền trọng tài còn câu thứ hai ngăn chặn nguyên đơn khởi kiện trọng tài nếu như trước đó đã đưa tranh chấp ra toà án ở nước tiếp nhận đầu tư. HĐTT đã

áp dụng các quy tắc giải thích điều ước của Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế, đặc biệt Điều 31 về nghĩa thông thường trong bối cảnh của văn bản và Điều 32 về phương tiện diễn giải bổ sung²⁵. Dựa vào các quy tắc này, HĐTT đã đưa ra một số phân tích về loại tranh chấp thuộc thẩm quyền trọng tài, cụ thể:

Thứ nhất, về ý nghĩa thông thường của từ “liên quan đến” (involving) trong Điều 13.3, HĐTT cho rằng cụm từ này mang tính trung lập và không mở rộng phạm vi chấp thuận trọng tài ngoài giới hạn được nêu trong cụm từ “khoản bồi thường” ở phía sau²⁶. Cụm từ “khoản bồi thường” sẽ giới hạn tranh chấp tại trọng tài không bao gồm sự tồn tại hoặc tính hợp pháp của hành vi tước đoạt tài sản. Ngoài ra, cụm từ “phát sinh từ tước đoạt tài sản” cho thấy trọng tài chỉ có thẩm quyền đối với tranh chấp về số tiền bồi thường phát sinh sau khi hành vi tước đoạt tài sản đã được xác định. Việc tham chiếu đến Điều 6 cho thấy chỉ những biện pháp được coi là tước đoạt tài sản theo BIT mới là căn cứ để trọng tài xem xét về số tiền bồi thường²⁷. Lịch sử soạn thảo BIT góp phần củng cố cách giải thích hẹp này vì cho thấy rõ quy định của BIT là sự thoả hiệp giữa việc phía Singapore muốn mở rộng thẩm quyền trọng tài và phía Trung Quốc muốn hạn chế phạm vi tranh chấp ở khoản bồi thường²⁸.

Thứ hai, về bối cảnh giải thích Điều 13.3, HĐTT cho rằng việc Điều 6.2 quy định thủ tục giải quyết tranh chấp về tính hợp

²⁴ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 46 - 50, 196 - 206.

²⁵ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 57 - 59.

²⁶ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 83 - 84.

²⁷ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 87 - 88.

²⁸ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 85 - 86.

pháp của hành vi tước đoạt tài sản tại toà án trong nước thể hiện ý định rõ ràng của các Bên kí kết là phân tách thẩm quyền thành hai nhóm: 1) tranh chấp về sự tồn tại hoặc tính hợp pháp của hành vi tước đoạt tài sản sẽ do toà án trong nước giải quyết; 2) tranh chấp về số tiền bồi thường có thể giải quyết bằng trọng tài²⁹. Cụm từ “có quyền” trong Điều 6.2 cho phép nhà đầu tư yêu cầu toà án trong nước xem xét nhưng không trao quyền lựa chọn giữa toà án và trọng tài. Do đó, xét trong bối cảnh Điều 6.2, thẩm quyền trọng tài theo Điều 13.3 bị giới hạn, chỉ cho phép trọng tài giải quyết các tranh chấp về số tiền bồi thường cho hành vi tước đoạt tài sản đã được xác lập hoặc thừa nhận trước đó³⁰.

Thứ ba, về việc liệu cách giải thích hẹp như trên có kích hoạt điều khoản FIR tại câu thứ hai Điều 13.3 và làm câu thứ nhất của Điều 13.3 mất ý nghĩa, HĐTT cho rằng câu thứ hai của Điều 13.3 chỉ được kích hoạt đối với loại tranh chấp nêu ở câu thứ nhất, nghĩa là khi nhà đầu tư mang tranh chấp về khoản bồi thường ra toà án trong nước³¹. HĐTT bác bỏ lập luận của nguyên đơn cho rằng toà án không thể kết luận về tính hợp pháp của tước đoạt tài sản mà không xem xét đến khoản bồi thường. Theo HĐTT, đây là hai vấn đề pháp lí tách biệt nhau, vì vậy việc toà án trong nước xem xét tính hợp pháp của tước đoạt tài sản không làm mất quyền của nguyên đơn khởi kiện trọng tài về số tiền bồi thường³².

Thứ tư, về việc liệu điều khoản đối xử tối

huệ quốc của BIT có thể mở rộng thẩm quyền của trọng tài, HĐTT cho rằng việc mở rộng thẩm quyền trọng tài chỉ xảy ra khi xác định được ý chí rõ ràng của cả hai bên kí kết BIT³³. Từ “đối xử” trong cả văn bản tiếng Anh và tiếng Trung không đủ rõ để bao gồm cả quy định về giải quyết tranh chấp³⁴. Về mặt chính sách, việc dùng điều khoản MFN để mở rộng thẩm quyền trọng tài sẽ tạo ra tiền lệ không tốt là nguyên đơn có thể tùy tiện yêu cầu thay đổi nội dung BIT và cùng một điều khoản nhưng có thể giải thích khác nhau với các nước bị đơn khác nhau, tùy thuộc vào các BIT với bên thứ ba của nước bị đơn đó.

Nguyên đơn sau đó đã yêu cầu Toà án Liên bang Thụy Sĩ hủy phán quyết trọng tài với lí do HĐTT đã hành động vượt quá thẩm quyền. Tháng 01/2024, Toà án ban hành quyết định đồng tình với các kết luận về thẩm quyền của HĐTT và bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn³⁵. Toà án cho rằng có thể phân tách thẩm quyền của toà án và trọng tài cho hai loại tranh chấp cùng về hành vi tước đoạt tài sản là tính hợp pháp và giá trị bồi thường. Các bên kí kết BIT hoàn toàn có thể thỏa thuận thẩm quyền rộng hơn cho trọng tài, thay thế cho thẩm quyền của toà án nhưng điều khoản hiện tại không thể giải thích rộng hơn bằng việc viện dẫn mục đích bảo hộ

³³ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 211.

³⁴ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 213 - 214.

³⁵ Marcel Frey, Bernhard C. Lauterburg (2024), *Jurisdictional hurdles in investment disputes in China - a recent judgment of the Swiss Federal Tribunal*, <https://www.prager-dreifuss.com/en/news/jurisdictional-hurdles-in-investment-disputes-in-china-%E2%80%93-a-recent-judgment-of-the-swiss-federal-tribunal-1124>, truy cập 31/10/2025.

²⁹ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 106 - 108.

³⁰ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 109 - 110.

³¹ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 132.

³² AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 135 - 140.

chung của BIT và nguyên tắc giải thích điều ước hiệu quả (effet utile)³⁶. Ngoài ra, Toà án nhận thấy Điều 6.2 của BIT thể hiện ý định của các bên kí kết trao thẩm quyền duy nhất cho toà án xét xử tranh chấp về tính hợp pháp của tước đoạt tài sản và không đề cập tới một cơ quan nào khác. Việc dùng từ “có quyền” (may) hàm ý một quyền được cho phép, hơn là một nghĩa vụ phải thực hiện là dễ hiểu vì một cách tự nhiên, pháp luật không thể bắt buộc các bên phải khiếu nại về tính hợp pháp, đó là quyền của nhà đầu tư³⁷.

3.2. Các phán quyết giải thích hẹp và tương tự như vụ AsiaPhos and Norwest v. China

Kết luận của HĐTT trong vụ AsiaPhos and Norwest v. China tiếp nối một số phán quyết trọng tài liên quan tới các BIT khác của Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như Bulgari, Hungary, Slovakia, và Liên bang Nga trong đó có cách giải thích hẹp tương tự³⁸.

Trong tranh chấp Beijing Shougang and others v. Mongolia (2017), HĐTT cho rằng cụm từ “liên quan đến” trong Điều 8.3 của BIT Trung Quốc - Mông Cổ năm 1991 mang tính trung lập, không mở rộng cũng không

hạn chế mà phải giải thích trong bối cảnh của BIT. HĐTT đồng tình với bị đơn khi cho rằng Điều 8.2 quy định tất cả các loại tranh chấp có thể giải quyết tại toà án sẽ là nguyên tắc chung, còn Điều 8.3 là ngoại lệ dành riêng cho tranh chấp liên quan tới khoản bồi thường có thể đưa ra trọng tài³⁹. Với tranh chấp về khoản bồi thường thì nhà đầu tư có quyền lựa chọn ra toà án quốc gia (Điều 8.2) hoặc ra trọng tài quốc tế (Điều 8.3). Trường hợp nhà đầu tư ra toà án quốc gia thì sẽ kích hoạt điều khoản FIR và không được đệ trình ra trọng tài nữa. Điều khoản FIR không làm mất ý nghĩa của thoả thuận trọng tài nếu như trong thủ tục tại toà, nhà đầu tư giữ lại vấn đề khoản bồi thường cho trọng tài xem xét⁴⁰. Tranh chấp Beijing Shougang and others v. Mongolia đánh dấu lần đầu tiên thoả thuận trọng tài liên quan đến khoản bồi thường trong BIT của Trung Quốc được giải thích hẹp.

Trong tranh chấp Everyway v. Ghana (2023), HĐTT cũng giải thích hẹp cụm từ “liên quan đến” theo cụm từ “khoản bồi thường” ở phía sau nhưng đáng chú ý là tiêu đề của Điều 10.1 là giải quyết tranh chấp về giá trị bồi thường⁴¹. BIT Trung Quốc - Ghana năm 1989 cũng chứa Điều 4.3 quy định về việc toà án trong nước có thể xem xét lại tính hợp pháp với pháp luật nội địa của hành vi tước đoạt tài sản và không đề cập tới trọng tài, tương tự như Điều 6.2 của

³⁶ AsiaPhos and Norwest v. China, Judgement of the Swiss Federal Tribunal, đoạn 5.4.1. Nguyên tắc giải thích hiệu quả điều ước yêu cầu các quy định của một điều ước phải được giải thích cùng nhau và từng quy định sẽ được diễn giải để biến chúng thành có ý nghĩa hơn là vô nghĩa. Xem: Sanum v. Laos, Award on Jurisdiction, đoạn 333; Beijing Urban Construction v. Yemen, Decision on Jurisdiction, đoạn 72.

³⁷ AsiaPhos and Norwest v. China, Judgement of the Swiss Federal Tribunal, đoạn 5.3.3.

³⁸ Beijing Shougang and others v. Mongolia, Everyway v. Ghana, Austrian Airlines v. Slovakia, ST-AD v. Bulgaria, Telenor v. Hungary, Berschader v. Russia, RosInvest v. Russian Federation.

³⁹ Beijing Shougang and others v. Mongolia, Award (2017), đoạn 254, 434 - 437, <https://www.italaw.com/cases/279>, truy cập 30/12/2025.

⁴⁰ Beijing Shougang and others v. Mongolia, tldđ, đoạn 447 - 450.

⁴¹ Everyway v. Ghana, Final Award on Jurisdiction (2023), đoạn 167, <https://www.italaw.com/cases/10145>, truy cập 30/12/2025.

BIT Trung Quốc - Singapore trong AsiaPhos and Norwest v. China⁴². Tuy nhiên, khác với AsiaPhos v. China, BIT hiện tại không có điều khoản FIR, vì vậy nhà đầu tư đệ trình tranh chấp về tính hợp pháp ra tòa án sẽ không bị mất quyền khởi kiện trọng tài⁴³.

Trong ít nhất bốn tranh chấp khác là Telenor v. Hungary (2006), Berschader v. Russia (2006), Austrian Airlines v. Slovakia (2009) và ST-AD v. Bulgaria (2013)⁴⁴, HĐTT cũng nhận định rằng thỏa thuận trọng tài rõ ràng chỉ dành cho tranh chấp về khoản bồi thường khi có hành vi tước đoạt tài sản dựa trên nghĩa thông thường của lời văn trong BIT. Đối với các tranh chấp khác như sự tồn tại và tính hợp pháp của hành vi tước đoạt tài sản, Điều 4.3 của BIT Đức - Bulgaria và Điều 4.4 của BIT Áo - Slovakia chỉ rõ nhà đầu tư có quyền đệ trình ra tòa án nước nhận đầu tư.

Như vậy, các phán quyết có giải thích hẹp đều tập trung vào hai phương tiện để diễn giải bao gồm 1) nghĩa thông thường của lời văn và 2) bối cảnh của BIT (bao gồm điều khoản FIR) để đi đến kết luận rằng thẩm quyền trọng tài bị giới hạn và cách giải thích hẹp không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài do hai vấn đề tính hợp pháp của tước đoạt tài sản và giá trị bồi thường là độc lập.

⁴² Everyway v. Ghana, tldđ, đoạn 180.

⁴³ Everyway v. Ghana, tldđ, đoạn 199. Đây là điểm khác biệt so với ít nhất ba phán quyết giải thích rộng phân tích ở mục 3.3.

⁴⁴ Telenor Mobile Communications A.S. v. The Republic of Hungary, ICSID Case No. ARB/04/15; Vladimir Berschader and Moïse Berschader v. The Russian Federation, SCC Case No. 080/2004; Austrian Airlines v. The Slovak Republic, UNCITRAL; ST-AD GmbH v. Republic of Bulgaria, UNCITRAL, PCA Case No. 2011-06.

3.3. Các phán quyết giải thích rộng và khác với vụ AsiaPhos and Norwest v. China

Bên cạnh các phán quyết giải thích hẹp điều khoản về trọng tài trong các hiệp định của Trung Quốc, thực tiễn giải quyết tranh chấp cũng ghi nhận một số lượng tương đương các phán quyết có cách giải thích rộng⁴⁵.

Trong tranh chấp đầu tiên liên quan đến thỏa thuận trọng tài hạn chế của Trung Quốc là Tza Yap Shum v. Peru, HĐTT diễn giải cụm từ “liên quan đến khoản bồi thường cho tước đoạt tài sản” tại Điều 8.3 của BIT Trung Quốc - Peru hàm ý tranh chấp “bao gồm” chứ không “giới hạn” ở việc xác định khoản bồi thường. Như vậy, tranh chấp chỉ cần có một trong các vấn đề pháp lý liên quan đến khoản bồi thường là thuộc thẩm quyền trọng tài và không cần thiết đó là nội dung duy nhất⁴⁶. Liên quan đến bối cảnh của Điều 8.3, HĐTT đưa ra hai lập luận. *Thứ nhất*, việc loại các tranh chấp về tước đoạt tài sản khỏi cơ chế trọng tài ICSID là không phù hợp với mục tiêu bảo hộ đầu tư nước ngoài của BIT⁴⁷. *Thứ hai*, cách giải thích hẹp của Peru về câu thứ nhất của Điều 8.3 mâu thuẫn với quy định FIR tại câu thứ ba của cùng Điều 8.3 áp dụng cho mọi loại tranh chấp. Vì vậy, câu thứ nhất của Điều 8.3 chỉ có ý nghĩa nếu nhà đầu tư có thể lựa chọn đưa bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến tước đoạt tài sản ra giải quyết tại trọng tài⁴⁸.

Trong vụ Sanum v. Laos, trên cơ sở Điều

⁴⁵ Tza Yap Shum v. Peru (2009), Sanum v. Laos (2013), Beijing Urban Construction v. Yemen (2017).

⁴⁶ Tza Yap Shum v. Peru, Decision on Jurisdiction and Competence (2009), đoạn 150-151, <https://www.italaw.com/cases/1126>, truy cập 30/12/2025.

⁴⁷ Tza Yap Shum v. Peru, tldđ, đoạn 153.

⁴⁸ Tza Yap Shum v. Peru, tldđ, đoạn 154 - 159, 188.

8.3 BIT Trung Quốc - Lào, HĐTT đồng tình với phán quyết trong Tza Yap Shum v. Peru và cho rằng cụm từ “liên quan đến” phải được hiểu theo nghĩa rộng, tức là bao gồm tất cả các vấn đề cần thiết để xác định mức bồi thường, trong đó có việc xác định liệu hành vi tước đoạt tài sản có xảy ra hay không⁴⁹. HĐTT cũng cho rằng cách giải thích phạm vi tranh chấp hẹp sẽ kích hoạt điều khoản FIR ở câu thứ hai của Điều 8.3 do tòa án giải quyết tranh chấp về sự tồn tại hoặc tính hợp pháp của tước đoạt tài sản chắc chắn sẽ phải xác định khoản bồi thường⁵⁰.

HĐTT trong vụ Beijing Urban Construction v. Yemen nhận thấy nghĩa thông thường của Điều 10.2 BIT Trung Quốc - Yemen không đủ để đi đến kết luận về phạm vi tranh chấp mà cần cân nhắc thêm bối cảnh và mục đích của BIT⁵¹. *Thứ nhất*, khi xem xét tổng thể Điều 10, HĐTT nhấn mạnh hậu quả của cách giải thích hẹp là nhà đầu tư sẽ không còn sự lựa chọn giữa hai cơ quan tài phán mà chỉ có thể ra tòa án nếu như bị đơn không thừa nhận trách nhiệm pháp lý với hành vi tước đoạt tài sản. Khi đó, nước tiếp nhận đầu tư lại kiểm soát quyền tiếp cận trọng tài của nhà đầu tư trong khi theo Điều 10 thì sự lựa chọn cơ quan tài phán thuộc về nhà đầu tư⁵². *Thứ hai*, khi xem xét mục đích của BIT, HĐTT cho rằng cách giải thích hẹp sẽ làm

suy yếu mục tiêu bảo hộ đầu tư⁵³.

Bản thân các trọng tài viên trong vụ AsiaPhos and Norwest v. China phân tích ở trên cũng không thống nhất quan điểm về phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền trọng tài. Trọng tài viên Stanimir Alexandrov đưa ra ý kiến phản đối kết luận của đa số HĐTT trên ba điểm chính: 1) nghĩa thông thường của BIT rõ ràng thiên về “bao gồm” chứ không phải “giới hạn”⁵⁴; 2) tòa án trong nước không thể quyết định tính hợp pháp của tước đoạt tài sản mà không xem xét đến vấn đề bồi thường⁵⁵, 3) xét trong bối cảnh Điều 6.2 thì khi nhà đầu tư khiếu nại về tính hợp pháp của tước đoạt tài sản thì họ sẽ có lựa chọn giữa tòa án trong nước và trọng tài quốc tế ở Điều 13.3, mà không phải là lựa chọn giữa khởi kiện tại tòa án hoặc không như ý kiến đa số trong HĐTT⁵⁶.

Như vậy, có thể thấy các HĐTT giải thích rộng đều có chung quan điểm dựa vào nghĩa thông thường của quy định thì không thể giới hạn thỏa thuận trọng tài ở tranh chấp về khoản bồi thường. Sự giới hạn này chỉ có thể hiểu theo nghĩa tranh chấp phải liên quan đến chế tài bồi thường mà không phải các chế tài khác và tranh chấp phải liên quan đến tước đoạt tài sản mà không phải các hành vi vi phạm nghĩa vụ khác trong BIT⁵⁷.

⁴⁹ Sanum v. Laos, Award on Jurisdiction (2013), đoạn 329, <https://www.italaw.com/cases/2050>, truy cập 30/12/2025.

⁵⁰ Sanum v. Laos, tldđ, đoạn 330-333.

⁵¹ Beijing Urban Construction v. Yemen, Decision on Jurisdiction (2017), đoạn 77, <https://www.italaw.com/cases/5904>, truy cập 30/12/2025.

⁵² Beijing Urban Construction v. Yemen, tldđ, đoạn 78 - 84.

⁵³ Beijing Urban Construction v. Yemen, tldđ, đoạn 88 - 92.

⁵⁴ AsiaPhos and Norwest v. China, Annex 1: Dissenting Opinion, đoạn 6 - 7.

⁵⁵ AsiaPhos and Norwest v. China, Annex 1: Dissenting Opinion, đoạn 20, 28 - 33.

⁵⁶ AsiaPhos and Norwest v. China, Annex 1: Dissenting Opinion, đoạn 24 - 26.

⁵⁷ AsiaPhos and Norwest v. China, Annex 1: Dissenting Opinion, đoạn 15.

Phán quyết trọng tài trong sáu tranh chấp liên quan đến BIT của Trung Quốc cho thấy xu hướng xét xử thiếu tính nhất quán và phân nhóm rõ rệt với ba tranh chấp áp dụng cách giải thích hẹp và ba tranh chấp áp dụng cách giải thích rộng về cùng một lời văn trong các hiệp định bảo hộ đầu tư⁵⁸. Mặc dù tất cả các phán quyết đều viện dẫn việc áp dụng Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế như nguyên tắc định hướng, họ đi đến các kết luận không giống nhau, chủ yếu xoay quanh hai vấn đề: khả năng tách biệt giữa khiếu nại về tước đoạt tài sản với khiếu nại về bồi thường và phạm vi tranh chấp trong điều khoản FIR.

Bất đồng thứ nhất liên quan đến câu hỏi liệu việc xem xét 1) sự tồn tại và tính hợp pháp của tước đoạt tài sản và 2) giá trị khoản bồi thường có thể tách biệt nhau được hay không. Các HĐTT giải thích rộng cho rằng đó là hai vấn đề không thể tách rời và vấn đề 1) bao gồm vấn đề 2)⁵⁹. Trong khi đó, các HĐTT giải thích hẹp cho rằng hai vấn đề này có thể giải quyết ở hai cơ quan tài phán khác nhau mà không làm kích hoạt điều khoản FIR. Cách giải thích hẹp có thể ứng với một nhóm tranh chấp về bồi thường khi hành vi tước đoạt tài sản đã được thừa nhận hoặc kết luận trước đó bởi cơ quan có thẩm quyền trong nước⁶⁰. Sự tồn tại của một nhóm tranh chấp

như vậy đủ cho thấy cách giải thích hẹp không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài như quan điểm của các HĐTT giải thích rộng.

Bất đồng thứ hai liên quan đến việc các HĐTT có cách hiểu khác nhau về loại tranh chấp được đề cập trong điều khoản FIR của các BIT. Các HĐTT giải thích rộng cho rằng điều khoản FIR nói đến tranh chấp đầu tư theo nghĩa rộng, tương ứng với các loại tranh chấp có thể thương lượng và đưa ra toà án. Trong khi đó, các HĐTT giải thích hẹp cho rằng điều khoản FIR chỉ nói đến tranh chấp về khoản bồi thường. Chừng nào tranh chấp ở toà án trong nước cũng về khoản bồi thường thì nhà đầu tư mới mất quyền khởi kiện trọng tài.

Xu hướng xét xử càng trở nên khó dự đoán hơn trong bối cảnh các toà án trong nước cũng có quan điểm khác nhau khi xem xét hủy phán quyết trọng tài. Trong *Sanum v. Laos*, Toà cấp cao Singapore đồng ý với cách giải thích hẹp nhưng sau đó Toà phúc thẩm Singapore lại đảo ngược kết luận và chấp nhận giải thích rộng do có điều khoản FIR⁶¹. Toà cấp cao của Anh trong tranh chấp *European Media Ventures SA v. The Czech Republic* cũng đồng ý với cách giải thích rộng điều khoản tương tự trong BIT Liên minh kinh tế Bỉ - Luxembourg và Cộng hoà Séc⁶². Trong khi đó, Toà án Nam New York đồng ý không hủy phán quyết của HĐTT kết

⁵⁸ Ba tranh chấp giải thích rộng bao gồm: *Tza Yap Shum v. Peru*, *Sanum v. Laos*, *Beijing Urban Construction v. Yemen*. Ba tranh chấp giải thích hẹp bao gồm: *Beijing Shougang and others v. Mongolia*, *Everyway v. Ghana*, *AsiaPhos and Norwest v. China*.

⁵⁹ *Tza Yap Shum v. Peru*, tldđ, đoạn 154 - 161; *Sanum v. Laos*, tldđ, đoạn 332; *Beijing Urban Construction v. Yemen*, tldđ, đoạn 81.

⁶⁰ *AsiaPhos and Norwest v. China*, tldđ, đoạn 135 - 140;

Beijing Shougang and others v. Mongolia, tldđ, đoạn 447 - 450.

⁶¹ *Lao Republic v. Sanum*, High Court of Singapore (2015) SGHC 15, Judgement, đoạn 123 - 126; *Sanum v. Lao Republic*, Court of Appeal of Singapore (2016) SGCA 57, Judgement, đoạn 123 - 150.

⁶² *Czech Republic v. European Media Ventures SA* (2007) EWHC 2851, đoạn 41 - 53.

luận hợp về phạm vi tranh chấp trong vụ Beijing Shougang and others v. Mongolia⁶³.

4. Thay đổi về thẩm quyền trọng tài trong các hiệp định đầu tư của Trung Quốc và một số liên hệ với Việt Nam

Thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến điều khoản về trọng tài của Trung Quốc đã gợi mở những điều chỉnh chính sách và cải cách pháp lí. Các thể hệ hiệp định sau này của Trung Quốc đã mở rộng đáng kể thẩm quyền trọng tài và phản ánh xu hướng cải cách chung mà nhiều quốc gia khác, bao gồm cả Việt Nam đã áp dụng trong quá trình xây dựng luật đầu tư quốc tế.

4.1. Quy định mở rộng thẩm quyền trọng tài trong các hiệp định đầu tư của Trung Quốc từ năm 1998 đến nay

Xu hướng mở rộng phạm vi tranh chấp giải quyết bằng trọng tài được ghi nhận một cách rõ nét trong các hiệp định đầu tư của Trung Quốc kể từ năm 1998 đến nay. Sau gần hai thập kỉ kí kết các hiệp định đầu tư chủ yếu với điều khoản hạn chế từ năm 1982, Trung Quốc lần đầu tiên mở rộng điều khoản về trọng tài ra *“bất kì tranh chấp nào liên quan đến một khoản đầu tư”* trong BIT với Barbados năm 1998⁶⁴. Xu hướng mở

rộng này được giải thích trước hết bằng chính sách hội nhập khi Trung Quốc kí Công ước ICSID năm 1990, phê chuẩn Công ước này năm 1993 và tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2001 cũng như quan điểm cởi mở hơn với trọng tài quốc tế⁶⁵. Lí do thứ hai là tại thời kì này Trung Quốc bắt đầu trở thành nước xuất khẩu vốn, vì vậy việc mở rộng thẩm quyền của trọng tài quốc tế trong giải quyết tranh chấp với nước nhận đầu tư đem lại lợi ích cho nhà đầu tư Trung Quốc ở nước ngoài⁶⁶.

Hiệp định đầu tư mẫu năm 1997 của Trung Quốc đã thay đổi phạm vi tranh chấp giải quyết tại trọng tài là *“bất kì tranh chấp pháp lí nào... liên quan đến một khoản đầu tư”*. Việc mở rộng thẩm quyền trọng tài đối với bất kì tranh chấp đầu tư nào có thể bao gồm vi phạm nghĩa vụ theo điều ước cũng như vi phạm hợp đồng giữa nhà nước với nhà đầu tư⁶⁷. Điều 9.2 của BIT mẫu này vẫn giữ lại quy định FIR tương tự như hai phiên bản BIT mẫu năm 1984 và 1989 trước đó.

Đến Hiệp định đầu tư mẫu năm 2009, Trung Quốc tiếp tục sửa đổi theo hướng làm rõ hơn nữa phạm vi tranh chấp thông qua nội dung *“khiếu nại rằng một nước thành viên khác vi phạm nghĩa vụ liệt kê tại Phần II (các tiêu chuẩn đối xử) và nhà đầu tư đã*

⁶³ Beijing Shougang and others v. Mongolia, *Opinion & Order of the US District Court for the Southern District of New York*, đoạn 1 - 2.

⁶⁴ Điều 9. Hầu hết các BIT sau thời điểm 1998 đều sử dụng cụm từ “bất kì tranh chấp (pháp lí) nào liên quan đến một khoản đầu tư”, chẳng hạn trong BIT Trung Quốc - Ấn Độ (2006), BIT Trung Quốc - Namibia (2005), BIT Trung Quốc - Tây Ban Nha (2005); hoặc cụm từ “bất kì tranh chấp đầu tư nào” và giải thích nội hàm của tranh chấp đầu tư là khi nhà đầu tư phát sinh tổn thất hoặc thiệt hại từ một sự vi phạm hiệp định, chẳng hạn trong BIT Trung Quốc - Hàn Quốc (2007).

⁶⁵ Norah Gallagher, Wenhua Shan, sdd, đoạn 8.49.

⁶⁶ Ming Du, sdd, tr. 290.

⁶⁷ Norah Gallagher, Wenhua Shan, sdd, đoạn 8.66 - 8.68. Trung Quốc tuyên bố giới hạn phạm vi tranh chấp tại ICSID ở khoản bồi thường phát sinh do tước đoạt tài sản, nhưng tuyên bố này không ảnh hưởng đến thoả thuận trọng tài được kí kết với phạm vi rộng trong các BIT sau thời điểm này. Điều 25.4 Công ước ICSID: *“Thông báo này không cấu thành thoả thuận trọng tài được yêu cầu bởi Điều 25.1”*.

phát sinh tổn thất hoặc thiệt hại vì vi phạm đó”. Bằng cách này, Trung Quốc đã làm rõ định nghĩa tranh chấp đầu tư có thể khiếu kiện ra trọng tài là tranh chấp về vi phạm điều ước. Điều khoản FIR được thay thế bằng điều khoản linh hoạt hơn yêu cầu nhà đầu tư từ bỏ thủ tục giải quyết tranh chấp trong nước. Nhà đầu tư chỉ có thể đệ trình tranh chấp ra trọng tài nếu họ đã cam kết không tiếp tục hoặc sẽ không khởi xướng các thủ tục giải quyết tranh chấp trong nước với cùng biện pháp bị khiếu nại⁶⁸.

4.2. Một số liên hệ với thực tiễn ký kết các hiệp định đầu tư và giải quyết tranh chấp của Việt Nam

Là một quốc gia đang phát triển tham gia tích cực vào hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam có một mạng lưới các hiệp định đầu tư quốc tế sâu rộng với 67 hiệp định bảo hộ đầu tư song phương và 32 điều ước có quy định về đầu tư⁶⁹. Tương tự như các hiệp định đầu tư thế hệ đầu của Trung Quốc đã phân tích ở trên, BIT Trung Quốc - Việt Nam năm 1992 chứa điều khoản hạn chế phạm vi tranh chấp giải quyết bằng trọng tài ở các tranh chấp về khoản bồi thường cho hành vi tước đoạt tài sản⁷⁰. BIT Việt Nam - Armenia năm 1992 cũng tiếp cận theo hướng hạn chế phạm vi tranh chấp nhưng có phần linh hoạt hơn. Cụ thể, Điều 8.2 giới hạn thẩm quyền trọng tài đối với hai loại tranh chấp, một là về vi phạm nghĩa vụ đảm bảo tự do chuyển tiền, hai là về

thủ tục và giá trị khoản bồi thường liên quan đến biện pháp tước đoạt tài sản. Đối với các loại tranh chấp khác nếu có, nhà đầu tư và quốc gia tiếp nhận đầu tư cần có sự thoả thuận trọng tài bổ sung bên ngoài hiệp định này.

Trong Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc năm 2009, quyền khởi kiện tại trọng tài của nhà đầu tư được quy định rộng hơn các hiệp định đầu tư thế hệ đầu của Trung Quốc: *Thứ nhất*, Điều 14.1 Hiệp định liệt kê các nghĩa vụ cụ thể mà nhà đầu tư có thể khởi kiện trọng tài là Điều 4 (Đối xử quốc gia), Điều 5 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 7 (Đối xử đầu tư), Điều 8 (Tước đoạt tài sản), Điều 9 (Bồi thường thiệt hại) và Điều 10 (Chuyển nhượng và hồi hương lợi nhuận). Việc đưa ra một danh sách cụ thể các nghĩa vụ có thể xét xử tại trọng tài về thực chất mở rộng hơn so với quy định trong các hiệp định thế hệ đầu vì bao gồm các nghĩa vụ bảo hộ khác ngoài vấn đề tước đoạt tài sản. *Thứ hai*, thay vì điều khoản FIR như trong các hiệp định đầu tư thế hệ đầu, Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc đã chấp nhận cho nhà đầu tư chuyển sang khởi kiện tại trọng tài sau khi đệ trình tranh chấp tại toà án trong nước với điều kiện họ đã rút đơn kiện trước khi toà án trong nước đưa ra quyết định cuối cùng⁷¹.

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của Việt Nam, Chính phủ Việt Nam là bị đơn trong hai tranh chấp đệ trình bởi cùng một nhà đầu tư Trung Quốc. Tranh

⁶⁸ Điều 16 BIT mẫu năm 2009.

⁶⁹ UNCTAD (2025), *International Investment Agreements Navigator: Viet Nam*, <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/countries/229/viet-nam>, truy cập 31/10/2025.

⁷⁰ Điều 8.3 BIT Việt Nam - Trung Quốc (1992). Câu thứ hai của Điều 8.3 là điều khoản FIR.

⁷¹ Điều 14.5 Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc. Riêng trong quan hệ đầu tư giữa Trung Quốc với Việt Nam, Indonesia và Philippines, nhà đầu tư chỉ có thể lựa chọn giải quyết tranh chấp hoặc tại toà án trong nước hoặc tại trọng tài.

chấp thứ nhất là PowerChina and China Railway v. Viet Nam (I) khởi kiện tại ICSID theo cơ chế trọng tài phụ trợ năm 2022 bởi tổ hợp nhà thầu gồm hai công ti PowerChina HuaDong Engineering Corporation và China Railway 18th Bureau Group Company Ltd. Tranh chấp này dựa trên Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc năm 2009 với điều khoản phạm vi tranh chấp giải quyết bằng trọng tài rộng như đã phân tích ở trên. Tranh chấp thứ hai là PowerChina and China Railway v. Viet Nam (II) khởi kiện bởi nhà đầu tư này vào năm 2023 trên cơ sở BIT Việt Nam - Trung Quốc năm 1992. Đáng chú ý là điều khoản về trọng tài trong BIT Việt Nam - Trung Quốc này giới hạn phạm vi tranh chấp về bồi thường cho tước đoạt tài sản, tương tự như trong tranh chấp AsiaPhos and Norwest v. China.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp không nhất quán trong tập hợp các phán quyết tại mục 3 cho thấy những thách thức nhất định với cả nhà đầu tư khi khởi kiện trọng tài và với quốc gia tiếp nhận đầu tư khi điều khoản về thẩm quyền trọng tài chưa thực sự rõ ràng. Với điều khoản thoả thuận trọng tài hẹp như vậy, vẫn tồn tại khả năng nhà đầu tư và các nước nhận đầu tư phải theo đuổi các thủ tục tố tụng tốn thời gian và chi phí để tranh luận về thẩm quyền của trọng tài. Trong bối cảnh các hiệp định đầu tư thế hệ đầu của Việt Nam, bao gồm cả BIT Việt Nam - Trung Quốc, đều chứa các điều khoản đối xử tối huệ quốc (MFN) không loại trừ quy trình giải quyết tranh chấp⁷², khả năng

điều khoản MFN được viện dẫn để mở rộng phạm vi tranh chấp như trong AsiaPhos and Norwest v. China có thể xảy ra⁷³.

Thực tiễn kí kết hiệp định đầu tư quốc tế và giải quyết tranh chấp liên quan của Trung Quốc gợi mở một số quan sát về điều khoản về trọng tài trong các hiệp định đầu tư quốc tế mà Việt Nam là thành viên. *Thứ nhất*, các điều khoản về trọng tài trong những hiệp định gần đây như các hiệp định kí kết trong khuôn khổ ASEAN (Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN, Hiệp định đầu tư giữa ASEAN với Hàn Quốc, với Ấn Độ, với Úc và New Zealand) cho phép nhà đầu tư đệ trình ra trọng tài quốc tế các tranh chấp liên quan đến những nghĩa vụ được liệt kê trong hiệp định đó⁷⁴. So với BIT giữa Singapore và Trung Quốc trong vụ AsiaPhos and Norwest v. China, cũng như BIT giữa Việt Nam và Trung Quốc, cách tiếp cận này trao cho nhà đầu tư nước ngoài quyền khởi kiện tại trọng tài quốc tế rộng hơn, mở rộng ra nhiều nghĩa vụ khác, thay vì giới hạn trong vấn đề tước đoạt tài sản. *Thứ hai*, điều khoản MFN trong nhiều hiệp định đầu tư thế hệ mới của Việt Nam được thiết kế không áp dụng đối với thủ tục giải quyết tranh chấp. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài không thể viện dẫn điều khoản này để mở rộng thẩm quyền của trọng tài thông qua sử dụng quy định thẩm quyền thuận lợi hơn trong các hiệp

cũng không hoàn toàn nhất quán giữa các HĐTT. Xem thêm: August Reinisch, sdd, tr. 131 - 152.

⁷³ AsiaPhos and Norwest v. China, tldđ, đoạn 196 - 206.

⁷⁴ Điều 32 Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), Điều 18 Hiệp định đầu tư ASEAN - Hàn Quốc, Điều 20 Hiệp định đầu tư ASEAN - Ấn Độ, Điều 18 Chương 11 Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc và New Zealand.

⁷² Thực tiễn giải thích và áp dụng điều khoản MFN để thay đổi, mở rộng phạm vi điều khoản giải quyết tranh chấp trong hiệp định làm cơ sở khởi kiện

định đầu tư khác mà Việt Nam là thành viên. Thứ ba, nhiều hiệp định của Việt Nam không sử dụng điều khoản yêu cầu lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp duy nhất (FIR) mà thay bằng điều khoản cho phép khởi kiện tại cơ quan tư pháp hay hành chính trong nước miễn là khi khởi kiện tại trọng tài quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài đệ trình văn bản từ bỏ tiến trình tố tụng trong nước (waiver)⁷⁵. Trong khi điều khoản FIR chỉ cho phép nhà đầu tư quyền tiếp cận một cơ chế bao gồm toà án trong nước hoặc trọng tài quốc tế, điều khoản từ bỏ thủ tục trong nước không cản trở việc nhà đầu tư tiếp cận toà án trong nước mà chỉ yêu cầu họ phải tuyên bố chấm dứt các thủ tục tố tụng này trước khi khởi kiện tại trọng tài quốc tế. Do đó, điều khoản này trao cho các cơ quan trong nước cơ hội xem xét khiếu kiện của nhà đầu tư và có khả năng làm giảm số lượng tranh chấp được đệ trình ra trọng tài quốc tế⁷⁶. Những cải tổ này tương thích với xu hướng chung của các quốc gia và khu vực tiên tiến⁷⁷ và nên được sử dụng linh hoạt trong quá trình đàm phán, kí kết các hiệp định đầu tư mới của Việt Nam. Chúng giúp tránh các tranh luận không cần thiết do quy định thẩm quyền chưa thực

sự rõ ràng như trong AsiaPhos and Norwest v. China. Đồng thời, việc nghiên cứu sâu, so sánh, đối chiếu quan điểm của HĐTT trong vụ việc này với các vụ liên quan cung cấp công cụ tham khảo thiết thực để đánh giá, xác định thẩm quyền của trọng tài theo các hiệp định có quy định tương tự.

5. Kết luận

Có thể thấy, các hiệp định đầu tư quốc tế có những quy định đa dạng về thẩm quyền của trọng tài quốc tế đối với tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư. Thực tiễn giải thích và áp dụng điều khoản hạn chế thẩm quyền trọng tài cho thấy hai cách tiếp cận khác biệt của các HĐTT cũng như phản ánh những thách thức về xét xử nhất quán trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Các hiệp định kí kết gần đây đã được đàm phán, soạn thảo theo hướng xác định thẩm quyền trọng tài rõ ràng hơn. Những phân tích của HĐTT vụ AsiaPhos and Norwest v. China sẽ tiếp tục có giá trị thời sự trong thực tiễn trọng tài đầu tư và chính sách soạn thảo, cải cách các hiệp định đầu tư quốc tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. August Reinisch (2011), “How Narrow are Narrow Dispute Settlement Clauses in Investment Treaties”, *Journal of International Dispute Settlement*, Vol. 2(1).
2. Jane Willems (2011), “The Settlement of Investor State Disputes and China New Developments on ICSID Jurisdiction”, *South Carolina Journal of International Law and Business*, Vol. 8(1).
3. Juan Du, Zhenxing Zhang (2024), “AsiaPhos Limited and Norwest Chemicals Pte Ltd

⁷⁵ Ví dụ Điều 34 ACIA.

⁷⁶ Kaufmann-Kohler, Potesta (2020), “The Interplay Between Investor-State Arbitration and Domestic Courts in the Existing IIA Framework”, *Investor-State Dispute Settlement and National Courts*, European Yearbook of International Economic Law, Springer, tr. 41.

⁷⁷ Điều 14.D.3, 14.D.5 Chương Đầu tư, Hiệp định thương mại Hoa Kỳ - Mexico - Canada; Bộ điều khoản mẫu của Ủy ban Châu Âu dành cho Hiệp định đầu tư song phương, <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/treaty-files/8390/download>, truy cập 30/12/2025.

- v. People's Republic of China: Unpredictable Jurisdiction under the Restrictive ISDS Mechanism”, *ICSID Review*, Vol. 39(1).
4. Juan Du (2022), “Restrictive ISDS Clauses under Chinese BITs: Interpretation and Implications for China”, *Asia Pacific Law Review*, Vol. 30(2).
5. Kaufmann-Kohler, Potesta (2020), “The Interplay Between Investor-State Arbitration and Domestic Courts in the Existing IIA Framework”, *Investor-State Dispute Settlement and National Courts*, European Yearbook of International Economic Law, Springer.
6. Manjiao Chi, Xi Wang (2015), “The Evolution of ISA Clauses in Chinese IIAs and Its Practical Implications: The Admissibility of Disputes for Investor-State Arbitration”, *The Journal of World Investment & Trade*, Vol. 16.5-6.
7. Ming Du (2023), “Explaining China's Approach to Investor-State Dispute Settlement Reform: A Contextual Perspective”, *European Law Journal*, Vol. 28.4-6.
8. Norah Gallagher, Wenhua Shan (2009), *Chinese Investment Treaties: Policies and Practices*, Oxford University Press.
9. Romesh Weeramantry (2012), “Investor-State Dispute Settlement Provisions in China’s Investment Treaties”, *ICSID Review*, Vol. 27(1).
10. Shen Wei (2021), *Decoding Chinese Bilateral Investment Treaties*, Oxford University Press.
11. Yannick Radi (2020), *Rules and Practices of International Investment Law and Arbitration*, Cambridge University Press.

BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM (tiếp theo trang 33)

1. Bộ Tư pháp, Dương Thị Thanh Mai (chủ biên) (2017), *Tài liệu Bộ công cụ lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật* (sửa đổi, phát triển năm 2017), Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Ngân (2010), “Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 10.
3. Nguyễn Thị Kim Phụng (2007), “Các quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực luật lao động, đối chiếu và khuyến nghị”, *Tạp chí Luật học*, số 3.
4. Phan Thị Lan Hương (2020), *Bảo đảm quyền của nhóm yếu thế, khoảng trống pháp lý và khuyến nghị cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (NCFAW) (2008), *Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hoạch định chính sách và thực thi chính sách*, Hà Nội.
6. Unicef (2024), *Applying the Gender Integration Continuum to Social Protection*, <https://www.unicef.org/innocenti/media/10031/file/UNICEF-Innocenti-GRASSP-Design-Guidelines-2024.pdf>
7. Vũ Cao Đàm (2011), *Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.